

**CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE NGHỆ AN**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014**

**CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE NGHỆ AN**

Số 77 - Đường Lê Lợi

Thành phố Vinh - Tỉnh Nghệ An

---

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	01 - 02
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03 - 04
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05 - 06
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	08
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	09 - 24

**CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE NGHỆ AN**

Số 77 - Đường Lê Lợi

Thành phố Vinh - Tỉnh Nghệ An

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bến xe Nghệ An (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc điều hành Công ty trong năm 2014 và đến ngày lập Báo cáo này bao gồm:

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Ông Vũ Phi Hồ	Chủ tịch	
Ông Trần Minh Thành	Ủy viên	
Ông Võ Xuân Thanh	Ủy viên	
Ông Nguyễn Chí Thanh	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 06/02/2015
Ông Vũ Hoàng Huỳnh	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 06/02/2015
Ông Phạm Đức Thắng	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 06/02/2015
Ông Nguyễn Huy Hoàn	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 06/02/2015

**BAN GIÁM ĐỐC**

Ông Trần Minh Thành	Tổng Giám đốc
Ông Võ Xuân Thanh	Phó Tổng Giám
Ông Nguyễn Hồng Lĩnh	Phó Tổng Giám

**BAN KIỂM SOÁT**

Ông Phạm Xuân Bích	Trưởng Ban	
Ông Lương Khắc Thanh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 06/02/2015
Bà Thái Thị Thùy Trang	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 25/12/2014
Ông Nguyễn Văn Chi	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25/12/2014

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

**CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE NGHỆ AN**

Số 77 - Đường Lê Lợi

Thành phố Vinh - Tỉnh Nghệ An

---

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

---

**Trần Minh Thành**  
**Tổng Giám đốc**

*Nghệ An, Ngày 23 tháng 3 năm 2015*

Số: /2015/BCKT-UHY ACA MT

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Bến xe Nghệ An**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Bến xe Nghệ An (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 23/3/2015, từ trang 05 đến trang 24, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)**

### **Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

---

**Nguyễn Anh Dũng**

**Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1379-2014-112-1

---

**Nguyễn Duy Tuấn**

**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1951-2014-112-1

Thay mặt và đại diện cho

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY ACA**

**- Chi nhánh Miền Trung**

*Nghệ An, Ngày 23 tháng 3 năm 2015*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

**MẪU SỐ B 01-DN**  
 Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>75.588.394.951</b>	<b>56.862.909.767</b>
<b>110</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>V.1</b>	<b>73.717.656.666</b>	<b>55.161.486.090</b>
111	Tiền		6.617.656.666	2.587.651.052
112	Các khoản tương đương tiền		67.100.000.000	52.573.835.038
<b>130</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>1.641.386.592</b>	<b>1.104.968.837</b>
132	Trả trước cho người bán		1.368.849.940	883.223.685
135	Các khoản phải thu khác	V.2	272.536.652	221.745.152
<b>140</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>V.3</b>	<b>50.704.050</b>	<b>103.138.290</b>
141	Hàng tồn kho		50.704.050	103.138.290
<b>150</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>178.647.643</b>	<b>493.316.550</b>
151	Chi phí trả trước ngắn hạn		83.647.643	428.316.550
158	Tài sản ngắn hạn khác		95.000.000	65.000.000
<b>200</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>50.990.791.977</b>	<b>44.147.357.503</b>
<b>220</b>	<b>Tài sản cố định</b>		<b>42.326.678.433</b>	<b>33.720.618.747</b>
221	Tài sản cố định hữu hình	V.4	3.412.642.370	1.807.874.300
222	<i>Nguyên giá</i>		29.508.420.160	26.787.540.160
223	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		(26.095.777.790)	(24.979.665.860)
227	Tài sản cố định vô hình	V.5	-	-
228	<i>Nguyên giá</i>		52.859.000	52.859.000
229	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		(52.859.000)	(52.859.000)
230	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.6	38.914.036.063	31.912.744.447
<b>260</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>		<b>8.664.113.544</b>	<b>10.426.738.756</b>
261	Chi phí trả trước dài hạn	V.7	8.664.113.544	10.426.738.756
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>126.579.186.928</b>	<b>101.010.267.270</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

**MẪU SỐ B 01-DN**  
Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>300</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>15.892.466.841</b>	<b>5.687.155.206</b>
<b>310</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>		<b>15.892.466.841</b>	<b>5.687.155.206</b>
312	Phải trả người bán		781.412.410	158.055.400
314	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.8	2.797.772.349	2.564.336.447
315	Phải trả người lao động		1.557.903.579	1.379.444.678
319	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	V.9	9.326.460.559	812.295.529
323	Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.428.917.944	773.023.152
<b>400</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>110.686.720.087</b>	<b>95.323.112.064</b>
<b>410</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>V.10</b>	<b>110.686.720.087</b>	<b>95.323.112.064</b>
411	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		31.532.000.000	31.532.000.000
412	Thặng dư vốn cổ phần		1.441.530.758	1.441.530.758
413	Vốn khác của chủ sở hữu		2.969.144.190	2.969.144.190
417	Quỹ đầu tư phát triển		45.914.439.517	32.480.364.749
418	Quỹ dự phòng tài chính		2.962.993.689	2.474.481.879
420	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		25.866.611.933	24.425.590.488
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>126.579.186.928</b>	<b>101.010.267.270</b>

Nguyễn Thị Thùy Linh  
Người lập biểu

Nguyễn Thanh Giang  
Kế toán trưởng

Trần Minh Thành  
Tổng Giám đốc

Nghệ An, Ngày 23 tháng 3 năm 2015



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**MẪU SỐ B 02-DN**  
Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>01</b>	<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		<b>61.077.621.605</b>	<b>57.133.251.061</b>
02	Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
<b>10</b>	<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>VI.1</b>	<b>61.077.621.605</b>	<b>57.133.251.061</b>
<b>11</b>	<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>VI.2</b>	<b>21.916.519.143</b>	<b>18.569.395.665</b>
<b>20</b>	<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		<b>39.161.102.462</b>	<b>38.563.855.396</b>
21	Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	3.532.084.899	3.514.212.031
22	Chi phí tài chính		-	-
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		-	-
24	Chi phí bán hàng		180.209.087	152.143.179
25	Chi phí quản lý doanh nghiệp		10.361.004.398	9.388.213.161
<b>30</b>	<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>32.151.973.876</b>	<b>32.537.711.087</b>
31	Thu nhập khác		-	473.272.728
32	Chi phí khác		31.321	324.117.730
<b>40</b>	<b>Lợi nhuận khác</b>		<b>(31.321)</b>	<b>149.154.998</b>
<b>50</b>	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>32.151.942.555</b>	<b>32.686.866.085</b>
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	VI.4	7.352.943.654	8.261.275.597
<b>60</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>		<b>24.798.998.901</b>	<b>24.425.590.488</b>
<b>70</b>	<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>VI.6</b>	<b>7.865</b>	<b>7.746</b>

Nguyễn Thị Thùy Linh  
Người lập biểu

Nguyễn Thanh Giang  
Kế toán trưởng

Trần Minh Thành  
Tổng Giám đốc

Nghệ An, Ngày 23 tháng 3 năm 2015

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
 (Theo phương pháp gián tiếp)  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**MẪU SỐ B 03-DN**  
 Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Năm nay	Năm trước
	<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>		
<b>01</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>32.151.942.555</b>	<b>32.686.866.085</b>
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao TSCĐ	1.116.111.930	1.548.848.521
05	Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	(3.532.084.900)	(3.663.728.953)
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>29.735.969.585</b>	<b>30.571.985.653</b>
09	Tăng giảm các khoản phải thu	(502.131.600)	226.182.277
10	Tăng giảm hàng tồn kho	52.434.240	(103.138.290)
11	Tăng giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	965.102.253	479.583.498
12	Tăng giảm chi phí trả trước	2.107.294.119	(1.740.768.337)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(7.204.351.947)	(8.412.005.751)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	471.600.000	-
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(755.284.684)	(934.562.797)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>24.870.631.966</b>	<b>20.087.276.253</b>
	<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>		
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(9.782.260.135)	(7.387.382.586)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	-	520.000.000
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	3.467.798.745	3.307.146.797
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>(6.314.461.390)</b>	<b>(3.560.235.789)</b>
	<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>		
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	-	(9.459.600.000)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>-</b>	<b>(9.459.600.000)</b>
<b>50</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>18.556.170.576</b>	<b>7.067.440.464</b>
<b>60</b>	<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>55.161.486.090</b>	<b>48.094.045.626</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	-	-
<b>70</b>	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>73.717.656.666</b>	<b>55.161.486.090</b>

Nguyễn Thị Thùy Linh  
 Người lập biểu

Nguyễn Thanh Giang  
 Kế toán trưởng

Trần Minh Thành  
 Tổng Giám đốc

Nghệ An, Ngày 23 tháng 3 năm 2015

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Mẫu số B 09 - DN**

**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

Công ty Cổ phần Bến xe Nghệ An được thành lập theo Quyết định số 2502/QĐ-UB-ĐMDN ngày 07 tháng 7 năm 2004 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Nghệ An và hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2900599622 đăng ký lần đầu ngày 30 tháng 7 năm 2004, thay đổi lần thứ 06 ngày 05 tháng 7 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp.

Hoạt động chính của Công ty là:

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ: Dịch vụ bến xe, bãi đỗ xe, trông giữ ô tô;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Cho thuê văn phòng, ki ốt kinh doanh; Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, khu dân cư, khu vui chơi giải trí; Kinh doanh bất động sản;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Vận tải hành khách đường bộ khác: Vận tải hành khách theo hợp đồng, khách du lịch;
- Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu: Khai thác, chế biến khoáng sản;
- Bán buôn tổng hợp: Mua bán khoáng sản.

Trụ sở chính: Số 77, đường Lê Lợi, phường Lê Lợi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2014 là 153 người (tại ngày 31/12/2013 là 148 người).

**II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN**

**1. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**2. Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

**2. Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là: Chứng từ ghi sổ - Kế toán trên máy vi tính.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Mẫu số B 09 - DN**

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**2. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: tiền mặt tại quỹ; tiền gửi ngân hàng; các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

**3. Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán, trong đó:

***Nợ phải thu quá hạn thanh toán:***

Mức trích lập dự phòng

Từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm	30% giá trị
Từ 1 năm đến dưới 2 năm	50% giá trị
Từ 2 năm đến dưới 3 năm	70% giá trị
Từ 3 năm trở lên	100% giá trị

***Nợ phải thu khác:***

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập dựa trên mức tổn thất dự kiến không thu hồi được.

Số tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

**4. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời...) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Mẫu số B 09 - DN**

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp)**

**5. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản hữu hình được ghi nhận là tài sản cố định hữu hình nếu thỏa mãn đồng thời các tiêu chuẩn sau: (i) Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó; (ii) Có thời gian sử dụng trên 1 năm trở lên; (iii) Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách tin cậy và có giá trị từ 30.000.000 VND trở lên.

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

**Nguyên giá**

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

**Khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05-08
Phương tiện vận tải	06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03-05

**6. Tài sản cố định vô hình**

Mọi chi phí thực tế mà doanh nghiệp đã chi ra thỏa mãn đồng thời các tiêu chuẩn sau mà không hình thành tài sản cố định hữu hình thì được coi là tài sản cố định vô hình: (i) Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó; (ii) Có thời gian sử dụng trên 1 năm trở lên; (iii) Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách tin cậy và có giá trị từ 30.000.000 VND trở lên.

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

**Nguyên giá**

Nguyên giá tài sản cố định vô hình mua riêng biệt bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất có thời hạn khi được giao đất hoặc số tiền trả khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp từ người khác, hoặc giá trị quyền sử dụng đất nhận góp vốn liên doanh.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện sau thì được tính vào nguyên giá tài sản cố định vô hình: (i) Chi phí này có khả năng làm cho tài sản cố định vô hình tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu; (ii) Chi phí được đánh giá một cách chắc chắn và gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Mẫu số B 09 - DN**

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp)**

***Khấu hao***

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Phần mềm máy tính	03

**7. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

**8. Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**10. Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi, lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**11. Doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả các điều kiện sau: (i) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; (ii) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; (iii) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; (iv) Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và (v) Chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng có thể xác định được.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Mẫu số B 09 - DN**

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp)**

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau: (i) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; (ii) Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; (iii) Phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán có thể xác định được; và (iv) Chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó có thể xác định được

***Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia***

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của Công ty được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau: (i) Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và (ii) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**12. Thuế**

***Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành***

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

***Thuế khác***

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**13. Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

**14. Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty mẹ, các Công ty con của Công ty mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty; Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty, bao gồm những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên quan này, những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp)

15. Công cụ tài chính

Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn áp dụng chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ở Việt Nam có hiệu lực bắt đầu từ hoặc sau ngày 01/01/2011. Việc trình bày chi tiết về công cụ tài chính xem thuyết minh số VII.5.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(Đơn vị tính: VND)

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
Tiền mặt	5.745.878.585	1.445.501.332
Tiền gửi ngân hàng	871.778.081	1.142.149.720
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống)	67.100.000.000	52.573.835.038
- Tiền gửi tại Ngân hàng VPBank-CN Nghệ An	44.500.000.000	22.974.500.000
- Tiền gửi tại Ngân hàng Sacombank-CN Nghệ An	22.600.000.000	29.599.335.038
<b>Cộng</b>	<b><u>73.717.656.666</u></b>	<b><u>55.161.486.090</u></b>

2. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
Bảo hiểm xã hội	1.185.263	14.679.918
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	271.351.389	207.065.234
<b>Cộng</b>	<b><u>272.536.652</u></b>	<b><u>221.745.152</u></b>

3. Hàng tồn kho

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	22.850.884	35.532.940
Hàng hóa	27.853.166	67.605.350
<b>Cộng</b>	<b><u>50.704.050</u></b>	<b><u>103.138.290</u></b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Mẫu số B 09 - DN**

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp)**  
**(Đơn vị tính: VND)**

**4. Tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>23.844.899.344</b>	<b>1.993.631.693</b>	<b>949.009.123</b>	<b>26.787.540.160</b>
Mua trong năm	-	2.690.340.000	30.540.000	2.720.880.000
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>23.844.899.344</b>	<b>4.683.971.693</b>	<b>979.549.123</b>	<b>29.508.420.160</b>
<b>Trong đó:</b>				
Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng	21.882.494.781	1.993.631.693	200.600.000	24.076.726.474
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>22.612.606.246</b>	<b>1.848.071.280</b>	<b>518.988.334</b>	<b>24.979.665.860</b>
Khấu hao trong năm	508.515.643	397.157.022	210.439.265	1.116.111.930
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>23.121.121.889</b>	<b>2.245.228.302</b>	<b>729.427.599</b>	<b>26.095.777.790</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày đầu năm	1.232.293.098	145.560.413	430.020.789	1.807.874.300
Tại ngày cuối năm	723.777.455	2.438.743.391	250.121.524	3.412.642.370
<b>Trong đó:</b>				
Tài sản dùng để cầm cố, thế chấp	-	-	-	-
Tài sản tạm thời không được sử dụng	-	-	-	-
Tài sản đang chờ thanh lý	-	-	-	-

**5. Tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>52.859.000</b>	<b>52.859.000</b>
Tặng trong năm	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>52.859.000</b>	<b>52.859.000</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>52.859.000</b>	<b>52.859.000</b>
Khấu hao trong năm	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>52.859.000</b>	<b>52.859.000</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày đầu năm	-	-
Tại ngày cuối năm	-	-

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Mẫu số B 09 - DN**

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp)**  
**(Đơn vị tính: VND)**

**6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
Công trình bến xe Diễn Châu	27.892.182	27.892.182
Công trình bến xe Nam Vinh	22.910.602.991	20.369.545.719
Công trình bến xe Bắc Vinh	14.843.950.947	11.515.306.546
Dự án khác	1.131.589.943	-
<b>Cộng</b>	<b>38.914.036.063</b>	<b>31.912.744.447</b>

**7. Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng	7.391.116.044	8.127.053.044
Công cụ, dụng cụ	578.940.568	2.299.685.712
Chi phí sửa chữa các bến xe	694.056.932	-
<b>Cộng</b>	<b>8.664.113.544</b>	<b>10.426.738.756</b>

**8. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
Thuế giá trị gia tăng	349.488.998	417.771.432
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.285.873.514	2.057.259.465
Thuế thu nhập cá nhân	135.036.290	36.823.616
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	15.567.647	39.815.897
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	11.805.900	12.666.037
<b>Cộng</b>	<b>2.797.772.349</b>	<b>2.564.336.447</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
Kinh phí công đoàn	11.392.650	3.355.620
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	677.000.000	318.000.000
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	755.067.909	490.939.909
Phải trả cổ tức năm 2013	7.883.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>9.326.460.559</b>	<b>812.295.529</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**Mẫu số B 09 - DN**

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp)**

*(Đơn vị tính: VND)*

**10. Vốn chủ sở hữu**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>NĂM TRƯỚC</b>							
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>31.532.000.000</b>	<b>1.441.530.758</b>	<b>2.969.144.190</b>	<b>21.944.997.180</b>	<b>2.054.407.786</b>	<b>21.465.226.893</b>	<b>81.407.306.807</b>
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	24.425.590.488	24.425.590.488
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận	-	-	-	10.535.367.569	420.074.093	-	10.955.441.662
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	(21.465.226.893)	(21.465.226.893)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>31.532.000.000</b>	<b>1.441.530.758</b>	<b>2.969.144.190</b>	<b>32.480.364.749</b>	<b>2.474.481.879</b>	<b>24.425.590.488</b>	<b>95.323.112.064</b>
<b>NĂM NAY</b>							
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>31.532.000.000</b>	<b>1.441.530.758</b>	<b>2.969.144.190</b>	<b>32.480.364.749</b>	<b>2.474.481.879</b>	<b>24.425.590.488</b>	<b>95.323.112.064</b>
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	24.798.998.901	24.798.998.901
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận	-	-	-	13.434.074.768	488.511.810	-	13.922.586.578
Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	-	-	-	(23.148.994.054)	(23.148.994.054)
Giảm khác (**)	-	-	-	-	-	(208.983.402)	(208.983.402)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>31.532.000.000</b>	<b>1.441.530.758</b>	<b>2.969.144.190</b>	<b>45.914.439.517</b>	<b>2.962.993.689</b>	<b>25.866.611.933</b>	<b>110.686.720.087</b>

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp)

(Đơn vị tính: VND)

(\*) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 324/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 12 năm 2014, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận như sau:

	Số tiền
(1) Lợi nhuận sau thuế năm 2013	24.425.590.488
(2) Tổng lợi nhuận được phân phối	24.425.590.488
Trong đó:	
- Trích lập các quỹ	15.265.994.054
+ Quỹ dự phòng tài chính 2% * (2)	488.511.810
+ Quỹ đầu tư phát triển 55% * (2)	13.434.074.768
+ Quỹ khen thưởng phúc lợi 4% * (2)	977.023.619
+ Quỹ khen thưởng Ban điều hành 1,5% * (2)	366.383.857
- Lợi nhuận 2013 trả cổ tức (20% * Vốn điều lệ)	7.883.000.000
Tổng lợi nhuận đã phân phối	23.148.994.054
Tổng lợi nhuận còn lại chưa phân phối	1.276.596.434

(\*\*) Công ty dùng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối còn lại của năm 2013 để nộp các khoản vi phạm về thuế qua thanh tra việc chấp hành pháp luật thuế các năm 2011, 2012, 2013 theo Quyết định số 2266/QĐ-CT ngày 04/11/2014 của Cục thuế tỉnh Nghệ An. Việc dùng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối này Ban Giám đốc dự kiến sẽ trình Đại hội đồng cổ đông để thông qua vào kỳ đại hội tới.

## b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm	Tỷ lệ (%)	Đầu năm	Tỷ lệ (%)
<b>Vốn góp của Nhà nước</b>	-	-	<b>12.735.000.000</b>	<b>40,39</b>
- Tổng Công ty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước (*)	-	-	12.735.000.000	40,39
<b>Vốn góp của các đối tượng khác</b>	<b>31.532.000.000</b>	<b>100,00</b>	<b>18.797.000.000</b>	<b>59,61</b>
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Quốc tế Vũ Hoàng	6.293.000.000	19,96	5.000.000.000	15,86
- Công ty CP Khoáng sản Bắc Cạn	1.892.000.000	6,00	-	-
- Ông Phạm Quốc Tuấn	10.843.000.000	34,39	-	-
- Ông Vũ Hoàng Huỳnh	4.436.000.000	14,07	4.436.000.000	14,07
- Cổ đông khác	8.068.000.000	25,59	9.361.000.000	29,69
<b>Cộng</b>	<b>31.532.000.000</b>	<b>100,00</b>	<b>31.532.000.000</b>	<b>100,00</b>

(\*) Ngày 09/12/2014, Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC) đã hoàn thành việc bán toàn bộ cổ phần tại Công ty Cổ phần Bến xe Nghệ An cho nhà đầu tư.

## c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp đầu năm	31.532.000.000	31.532.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	31.532.000.000	31.532.000.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>		
Cổ tức, lợi nhuận đã chia trên lợi nhuận năm trước	7.883.000.000	9.459.600.000
Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay	-	-

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp)  
(Đơn vị tính: VND)

## d) Cổ phiếu

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
	<i>Cổ phiếu</i>	<i>Cổ phiếu</i>
<b>Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>3.153.200</b>	<b>3.153.200</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	<b>3.153.200</b>	<b>3.153.200</b>
Cổ phiếu phổ thông	3.153.200	3.153.200
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu được mua lại</b>	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>3.153.200</b>	<b>3.153.200</b>
Cổ phiếu phổ thông	3.153.200	3.153.200
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

\* **Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND**

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

(Đơn vị tính: VND)

## 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Doanh thu</b>		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	61.077.621.605	57.133.251.061
Chi tiết		
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ từ các bên</i>	<i>58.534.181.785</i>	<i>56.381.463.510</i>
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ từ nhà hàng</i>	<i>2.543.439.820</i>	<i>751.787.551</i>
<b>Các khoản giảm trừ</b>	-	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>61.077.621.605</b>	<b>57.133.251.061</b>
<b>Trong đó:</b>		
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	61.077.621.605	57.133.251.061

## 2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp từ các bên	19.797.158.022	17.989.409.016
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp từ nhà hàng	2.119.361.121	579.986.649
<b>Cộng</b>	<b>21.916.519.143</b>	<b>18.569.395.665</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**Mẫu số B 09 - DN**

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (tiếp)**

*(Đơn vị tính: VND)*

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.532.084.899	3.514.212.031
<b>Cộng</b>	<b>3.532.084.899</b>	<b>3.514.212.031</b>

**4. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**4.1. Thuế suất**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho Công ty là 22% lợi nhuận chịu thuế.

**4.2. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>32.151.942.555</b>	<b>32.686.866.085</b>
<b>Điều chỉnh tăng</b>	<b>1.485.998.303</b>	<b>358.236.303</b>
Các khoản phạt	31.321	907.379
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát không chuyên trách	384.000.000	357.328.924
Khấu hao xe ô tô vượt nguyên giá 1,6 tỷ đồng	101.966.982	-
Ứng hộ xây dựng khu di tích Trường Bồn	1.000.000.000	-
<b>Điều chỉnh giảm</b>	<b>215.469.700</b>	<b>-</b>
<i>(Phân bổ chi phí theo quyết định của Thanh tra thuế số 2266/QĐ-CT ngày 04/11/2014 của Cục thuế Nghệ An)</i>	<i>215.469.700</i>	<i>-</i>
<b>Lợi nhuận trước thuế trước điều chỉnh lỗ năm trước</b>	<b>33.422.471.158</b>	<b>33.045.102.388</b>
Lỗ năm trước chuyển sang	-	-
<b>Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành</b>	<b>33.422.471.158</b>	<b>33.045.102.388</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>7.532.943.654</b>	<b>8.261.275.597</b>

**5. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.927.068.983	789.691.658
Chi phí công cụ dụng cụ	810.371.437	738.930.146
Chi phí nhân công	16.322.024.976	14.997.645.128
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.116.111.930	1.548.848.521
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.694.556.749	1.581.120.602
Chi phí khác	10.587.598.553	8.453.515.950
<b>Cộng</b>	<b>32.457.732.628</b>	<b>28.109.752.005</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**Mẫu số B 09 - DN**

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (tiếp)**

*(Đơn vị tính: VND)*

**6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Lợi nhuận sau thuế	24.798.998.901	24.425.590.488
Các khoản điều chỉnh	-	-
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	24.798.998.901	24.425.590.488
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	3.153.200	3.153.200
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>7.865</b>	<b>7.746</b>

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

*(Đơn vị tính: VND)*

**1. Thông tin về các bên liên quan**

**1.1 Thông tin chung về các bên liên quan**

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>	<b>Địa chỉ/Chức vụ</b>
Ông Vũ Phi Hồ	Hội Đồng Quản trị	Chủ tịch HĐQT
Ông Trần Minh Thành	Hội Đồng Quản trị	Ủy viên HĐQT - Tổng Giám đốc
Ông Võ Xuân Thanh	Hội Đồng Quản trị	Ủy viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Chí Thanh	Hội Đồng Quản trị	Ủy viên HĐQT
Ông Vũ Hoàng Huỳnh	Hội Đồng Quản trị	Ủy viên HĐQT
Ông Phạm Đức Thắng	Hội Đồng Quản trị	Ủy viên HĐQT
Ông Nguyễn Huy Hoàn	Hội Đồng Quản trị	Ủy viên HĐQT
Ông Nguyễn Hồng Lĩnh	Ban Giám đốc	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Xuân Bích	Ban Kiểm soát	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Lương Khắc Thanh	Ban Kiểm soát	Thành viên
Bà Thái Thị Thùy Trang	Ban Kiểm soát	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Chi	Ban Kiểm soát	Thành viên

**1.2 Các nghiệp vụ với các bên liên quan**

Các giao dịch phát sinh với các bên liên quan trong năm chủ yếu là thanh toán tạm ứng, trả lương, thưởng và thù lao.

**Tại ngày 31/12/2014, Công ty không còn số dư với các bên liên quan.**

**Thu nhập của các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị	2.074.314.101	1.369.831.320

**2. Các khoản công nợ tiềm tàng**

Không có khoản công nợ tiềm tàng nào khác cần điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)****Mẫu số B 09 - DN****VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp)***(Đơn vị tính: VND)***3. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

**4. Báo cáo bộ phận**

Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về các dịch vụ do Công ty cung cấp.

Công ty không có chi nhánh, do đó chỉ trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh, không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

**Báo cáo bộ phận chính yếu: theo lĩnh vực kinh doanh**

Chỉ tiêu	Hoạt động dịch vụ từ các bên	Hoạt động dịch vụ nhà hàng	Tổng cộng
<b>KẾT QUẢ KINH DOANH</b>			
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	58.534.181.785	2.497.238.008	<b>61.031.419.793</b>
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận	-	46.201.812	<b>46.201.812</b>
Khấu hao và chi phí phân bổ	19.797.158.022	2.119.361.121	<b>21.916.519.143</b>
Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	38.737.023.763	424.078.699	<b>39.161.102.462</b>
<b>TÀI SẢN</b>			
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ	5.929.790.192	-	<b>5.929.790.192</b>
Tài sản bộ phận	122.321.650.698	391.796.728	<b>122.713.447.426</b>
Tài sản không phân bổ	-	-	<b>3.865.739.502</b>
Tổng tài sản	122.321.650.698	391.796.728	<b>126.579.186.928</b>
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>			
Nợ phải trả bộ phận	5.464.865.448	-	<b>5.464.865.448</b>
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	<b>10.427.601.393</b>
Tổng nợ phải trả	5.464.865.448	-	<b>15.892.466.841</b>

**5. Công cụ tài chính**

Ngày 06/11/2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và Thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), có hiệu lực đối với các Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi. Tuy nhiên, Thông tư 210 không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực kế toán quốc tế và Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế. Các khoản mục tài sản và nợ của Công ty vẫn được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Hệ thống kế toán Việt Nam.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)****Mẫu số B 09 - DN****VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp)***(Đơn vị tính: VND)***5.1. Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	Cuối năm	Đầu năm
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	73.717.656.666	55.161.486.090
Phải thu khách hàng và phải thu khác	272.536.652	221.745.152
<b>Cộng</b>	<b>73.990.193.318</b>	<b>55.383.231.242</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Phải trả người bán và phải trả khác	9.352.805.060	970.350.929
<b>Cộng</b>	<b>9.352.805.060</b>	<b>970.350.929</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

**5.2. Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục, vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông/chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông/chủ sở hữu của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**5.3. Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá cổ phiếu), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro tài chính do thiếu thị trường mua bán các công cụ tài chính này.

**5.3.1. Quản lý rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

**5.3.2. Quản lý rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

**5.3.3. Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa nợ phải trả đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì mức dự phòng tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản vay, nguồn vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)****Mẫu số B 09 - DN****VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp)****(Đơn vị tính: VND)**

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn cho nợ phải trả tài chính phi phái sinh và tài sản tài chính phi phái sinh trên cơ sở không chiết khấu tại thời điểm lập báo cáo:

<b>Khoản mục</b>	<b>Dưới 1 năm</b>	<b>Từ 1 năm - 5 năm</b>	<b>Trên 5 năm</b>	<b>Tổng</b>
<b>NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH</b>				
<b>Số dư cuối năm</b>				
Phải trả người bán và phải trả khác	9.352.805.060	-	-	9.352.805.060
<b>Cộng</b>	<b>9.352.805.060</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>9.352.805.060</b>
<b>Số dư đầu năm</b>				
Phải trả người bán và phải trả khác	970.350.929	-	-	970.350.929
<b>Cộng</b>	<b>970.350.929</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>970.350.929</b>
<b>TÀI SẢN TÀI CHÍNH</b>				
<b>Số dư cuối năm</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	73.717.656.666	-	-	73.717.656.666
Phải thu khách hàng và phải thu khác	272.536.652	-	-	272.536.652
<b>Cộng</b>	<b>73.990.193.318</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>73.990.193.318</b>
<b>Số dư đầu năm</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	55.161.486.090	-	-	55.161.486.090
Phải thu khách hàng và phải thu khác	221.745.152	-	-	221.745.152
<b>Cộng</b>	<b>55.383.231.242</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>55.383.231.242</b>

**6. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Kreston ACA Việt Nam - Chi nhánh Miền Trung (nay là Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY ACA - Chi nhánh Miền Trung).

---

 Nguyễn Thị Thùy Linh  
 Người lập biểu

---

 Nguyễn Thanh Giang  
 Kế toán trưởng

---

 Trần Minh Thành  
 Tổng Giám đốc

Nghệ An, Ngày 23 tháng 3 năm 2015